TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v tranh chấp quyền sử D đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Hà

-Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Hoàn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12-7-2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 129/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "*Tranh chấp quyền sử D đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-DS ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1965, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: khu phố Thanh D, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Thành T, sinh năm 1982, địa chỉ: Nguyễn Hữu C, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (C mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp G, xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (C mặt).

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961, Địa chỉ: ấp G, xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (C mặt).

Người C quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị V, sinh năm 1970, địa chỉ: ấp G, xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (C mặt).

+ Bà Phan Thị M, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp G, xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (C mặt).

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, địa chỉ: ấp G, xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu(C mặt).

+ UBND huyện Đất Đỏ.

Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Đất Đỏ: Bà Đỗ Thị H, chức vụ: Chủ tịch (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện Đất Đỏ: Ông Lê Minh T, chức vụ Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đất Đỏ (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu T tâm hành chính huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn D bà Nguyễn Thị Hoa, bản khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Thành T trình bày: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày: Ông D bà Hoa C thửa đất số 123 tờ bản đồ số 8, tại xã Láng Dài, nguồn gốc do tự khai phá từ trước năm 1985. Đến năm 2009 ông D bà Hoa được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận quyền sử D đất với tổng diện tích là 4480 m^2, C 300 m^2 đất ở. Trong quá trình ông D bà Hoa sử D đất thì hộ ông Nguyễn Văn C và hộ ông Nguyễn Văn T C đất giáp ranh đã lấn chiếm sang sử D trái phép phần đất của ông D bà Hoa, ông C lấn chiếm khoảng 35,6 m^2, ông T lấn chiếm khoảng 40 m^2. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn C trả lại 35,6 m^2 và ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông D bà Hoa phần đất là 40 m^2 thuộc thửa số 123, tờ bản đồ số 8, xã Láng Dài. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định yêu cầu như sau: Yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn C trả lại cho ông D bà Hoa là 18,6 m^2, yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông D bà Hoa phần đất là 26,2 m^2 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 21-2023 ngày 08/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ). Về giá trị quyền sử D đất nguyên đơn thống nhất giá như biên bản định giá không C ý kiến gì thêm, không yêu cầu định giá lại, không yêu cầu đo vẽ lại.

- Trong quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Đất ông C là thửa 92 tờ bản đồ 08, xã láng Dài đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử D đất số BX 071123 cấp ngày 14/4/2015. Ông C không C lấn đất của ông D nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Ranh đất từ xưa giờ sử D ranh là cây chang bầu, ranh này là cây rừng, chưa C ai dọn ranh này, từ năm 1985 đến nay là sử D ranh này. Năm 1985 cha mẹ ông C mua đất sử D và ông C cũng ở trên đất từ nhỏ đến giờ, sau này cha mẹ ông C cho lại ông C sử D đến nay. Đất hiện nay do ông C và bà M sử D từ xưa đến nay.

Về giá trị quyền sử D đất, bị đơn ông C thống nhất giá như biên bản định giá không C ý kiến gì thêm, không yêu cầu định giá lại, không yêu cầu đo vẽ lại. Ông C không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

- Trong quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Đất ông T là thửa 81 tờ bản đồ 08, xã láng Dài đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử D đất số BX 071146 cấp ngày 24/4/2015. Ông T không C lấn chiếm đất của ông Đỗ Văn D, nên ông T không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Nguồn gốc đất của ông T là năm 1985 cha mẹ ông T mua đất sử D và ông T cũng ở trên đất từ nhỏ đến giờ, sau này cha mẹ ông T cho lại ông T sử D đến nay, cha mẹ ông T cho riêng một mình ông T. Ranh sử D đất từ xưa giờ sử D ranh là cây chang bầu, ranh này là cây rừng, chưa C ai dọn ranh này, từ năm 1985 đến nay là sử D ranh này. Về giá trị quyền sử D đất bị đơn thống nhất giá như biên bản định giá không C ý kiến gì thêm, không yêu cầu định giá lại, không yêu cầu đo vẽ lại

- Người C quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V trình bày: Bà V là vợ của ông T, bà V đồng ý với lời trình bày của ông T, không đồng ý yêu cầu nguyên đơn.

- Người C quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M trình bày: Bà M là vợ ông C. Bà M đồng ý lời trình bày của ông C, không đồng ý yêu cầu nguyên đơn.

- Người C quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H là con của ông T, ông H đồng ý với lời trình bày của ông T, không đồng ý yêu cầu nguyên đơn.

- Người C quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện Đất Đỏ C ý kiến tại công văn số 5448/UBND-PTNMT ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ xác định:

- Nguồn gốc đất thửa đất số 81

+ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 8 mới tương ứng với bản đồ cũ thửa đất số 520, tờ bản đồ số 3 đất tại xã Láng Dài.

+ Thửa đất số 520, tờ bản đồ số 3 được tách ra từ thửa đất số 234, tờ bản đồ số 3 thể hiện tại sơ đồ vị trí được Văn phòng Đăng ký quyền sử D đất huyện xác nhận ngày 27/12/2005.

+ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 8 C nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T nhận thừa kế từ ông Nguyễn Văn Độ thể hiện tại đơn đăng ký thừa kế quyền sử D đất của ông Nguyễn Văn T ghi ngày 28/9/2005 được UBND xã Láng Dài xác nhận ngày 17/10/2005.

- Nguồn gốc đất thửa đất số 92, tờ bản đồ số 8: C nguồn gốc do ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị Miên khai hoang năm 1988 cất nhà và trồng hoa

màu sử D ổn định đến nay thể hiện tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử D đất của ông Nguyễn Văn C ghi ngày 09/01/2006 được UBND xã Láng Dài xác nhận ngày 27/6/2006.

- Nguồn gốc đất thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8: C nguồn gốc do mẹ ruột Nguyễn Thị Thiệt cho năm 1986 trồng lúa, màu sử D đến năm 1992 thì cất nhà ở cho đến nay thể hiện tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử D đất của ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị Hoa ghi ngày 28/4/2008 được UBND xã Láng Dài xác nhận ngày 05/6/2008.

Uỷ ban nhân dân huyện Đất Đỏ đề nghị Tòa án căn cứ vào nguồn gốc, hiện trạng, quá trình sử D đất của đương sự để xét xử theo quy định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 163, 164, 166, 185 Bộ luật Dân sự, Điều 166, 170 Luật Đất đai C cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ C trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1].*Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ kiện tranh chấp quyền sử D đất, vị trí đất tranh chấp tại huyện Đất Đỏ, theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ. Người C quyền lợi nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân huyện Đất Đỏ C đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].*Về nội dung:*

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn C trả lại 35,6 m^2 và ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông D bà Hoa phần đất là 40 m^2 thuộc thửa số 123, tờ bản đồ số 8, xã Láng Dài. Tuy nhiên, khi đo đạc theo sự chỉ ranh của nguyên đơn và tại phiên tòa thì nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn C trả lại cho ông D bà Hoa là 18,6 m^2, yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông D bà Hoa phần đất là 26,2 m^2.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn C trả lại cho ông D bà Hoa là diện tích đất là 18,6 m^2, yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông D bà Hoa diện tích đất là 26,2 m^2 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 21-2023 ngày 08/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ).

Phần diện tích đất 26,2 m^2 nguyên đơn đang tranh chấp với ông T, hiện trạng ông T đang sử D, ông T chưa được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử D đất đối với phần đất này. Phần đất tranh chấp 26,2 m^2 đã được UBND huyện Đất Đỏ cấp Giấy chứng nhận số AN 422818 ngày 18/3/2009 cho ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị Hoa tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8, xã Láng Dài.

Phần diện tích đất 18,6 m^2 nguyên đơn đang tranh chấp với ông C hiện trạng ông C đang sử D, ông C chưa được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử D đất đối với phần đất này. Phần đất tranh chấp 18,6 m^2 đã được UBND huyện Đất Đỏ cấp Giấy chứng nhận số AN 422818 ngày 18/3/2009 cho ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị Hoa tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8, xã Láng Dài.

Ông Đỗ Văn D bà Nguyễn Thị Hoa căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử D đất số AN 422818 ngày 18/3/2009 đối với thửa 123 bản đồ số 08 xã Láng Dài với diện tích là 4480 m^2 để yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C trả lại quyền sử D đất diện tích 18,6m^2, yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại quyền sử D đất diện tích 26,2m^2 thuộc thửa 123 tờ bản đồ số 08 xã Láng Dài cho ông D bà Hoa. Ông C, ông T không đồng ý vì cho rằng đã sử D đất từ năm 1985, không lấn đất của ông D bà Hoa.

Qua chứng cứ tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông D, bà Hoa được cấp giấy chứng nhận quyền sử D đất số số AN 422818 ngày 18/3/2009 đối với thửa 123 bản đồ số 08 xã Láng Dài với tổng diện tích là 4480 m^2, C 300 m^2 đất ở. Ông C, bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử D đất lần đầu vào năm 2007, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử D đất số BX 071123 vào ngày 14/4/2015 thửa 92 bản đồ 08. Ông T cũng được cấp giấy chứng nhận lần đầu năm 2006, quá trình sử D đất C tách thửa chuyển nhượng, được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử D đất số BX 071146 thửa 81 bản đồ 08 vào ngày 24/4/2015.

Bản đồ đo vẽ tranh chấp, thẩm định thể hiện diện tích đất tranh chấp của ông D, ông C, ông T thể hiện ranh đất là cây rừng và hàng rào lưới B40.

Các thửa đất của ông C, ông T giáp ranh với thửa 123 của ông D bà Hoa, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử D đất các thửa đất đều đúng quy định của Luật Đất đai, ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử D đất năm 2009. Ông C, ông T được cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử D đất trước ông D bà Hoa. Sau đó, ông C và ông T đều được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử D đất vào năm 2015, nhưng từ khi cấp lần đầu đến khi cấp đổi năm 2015 hai ông không C khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử D đất, hiện trạng đất tranh chấp C rào bằng lưới B40 và hàng cây rừng. Ông C, ông T không C căn cứ pháp luật chứng minh đất tranh chấp là diện tích 18,6 m^2 và diện tích 26,2 m^2 là thuộc quyền sử D của ông C, ông T. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử D đất của ông D, ông C, ông T được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 21 ngày 08/02/2023 thì thấy: Ông C đang sử D diện tích đất 18,6m^2, ông T đang sử D 26,2m^2 thuộc thửa đất số 123 của ông D bà Hoa. Do đó, căn cứ Điều 166, 170 luật Đất đai,

Điều 163, 164, 166, 185 Bộ luật Dân sự C cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông D bà Hoa, buộc ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M trả lại cho ông D bà Hoa là 18,6 m^2, buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn H trả lại cho ông D bà Hoa phần đất là 26,2 m^2 thuộc thửa 123 tờ bản đồ số 08, xã Láng dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Theo Mảnh trích đo địa chính số 21 – 2023 ngày 08/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ).

[3]. *Về phát biểu của Kiểm sát viên:* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là C căn cứ, nên ghi nhận.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Số tiền chi phí tố tụng gồm chi phí đo đạc, chi phí thẩm định, định giá là 5.838.269 đồng, số tiền này ông D bà Hoa đã tạm ứng. Do yêu cầu của ông D bà Hoa được chấp nhận nên bị đơn pH chịu chi phí tố tụng là 5.838.269 đồng. Bị đơn ông T pH trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.919.135 đồng. Bị đơn ông C pH trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.919.135 đồng.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự C quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 163, 164, 166, 185, 688 Bộ luật Dân sự;
- Điều 26, 39, 147, 165, 227, 228, 266, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 12, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013;
- Các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa đối với ông Nguyễn Văn C về việc ông D bà Hoa yêu cầu ông C trả lại cho ông D bà Hoa quyền sử D đất diện tích là 18,6 m^2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa đối với ông Nguyễn Văn T về việc ông D bà Hoa yêu cầu ông T trả lại cho ông D bà Hoa quyền sử D đất diện tích là 26,2 m^2

3. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M pH tháo dỡ hoặc di dời hàng rào lưới B40, đập bỏ hoặc di dời tất cả các trụ sắt, trụ btông, hàng cây rừng, giao trả lại cho ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa diện tích đất 18,6 m^2 thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8 tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Phần diện tích đất 18,6 m^2 gồm các điểm giới hạn như sau: 2, 5, B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, 2 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 21-2023 ngày 08/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ).

4. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn H pH tháo dỡ hoặc di dời hàng rào lưới B40, đập bỏ hoặc di dời tất cả các trụ sắt, trụ btông, hàng cây rừng, giao trả lại cho ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa diện tích đất 26,2 m^2 thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8 tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Phần diện tích đất 26,2 m^2 gồm các điểm giới hạn như sau: 1, 2, B9, B10, B11, B12, B13, B14, B15, B16, B17, 1 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 21-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 08/02/2023).

Trường hợp ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M không tự nguyện thi hành thì ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa C quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ áp D biện pháp cưỡng chế thi hành án: Tháo dỡ hàng rào lưới B40, đập bỏ tất cả các trụ btông, bỏ hết các hàng cây rừng, giao trả lại cho bà ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa diện tích đất 18,6 m^2 thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8 tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Theo Mảnh trích đo địa chính số 21-2023 ngày 08/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ), giao trả lại cho ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa diện tích đất 18,6 m^2 thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8 tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Phần diện tích đất 18,6 m^2 gồm các điểm giới hạn như sau: 2, 5, B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, 2 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 21-2023 ngày 08/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ).

Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn H không tự nguyện thi hành thì ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa C quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ áp D biện pháp cưỡng chế thi hành án: Tháo dỡ hàng rào lưới B40, đập bỏ tất cả các trụ btông, bỏ hết các hàng cây rừng, giao trả lại cho ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa diện tích đất 26,2 m^2 thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8 tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Theo Mảnh trích đo địa chính số 21-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 08/02/2023), giao trả lại cho ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa diện tích đất 26,2 m^2 thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8 tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Phần diện tích đất 26,2 m^2 gồm các điểm giới hạn như sau: 1, 2, B9, B10, B11, B12, B13, B14, B15, B16, B17, 1 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 21-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 08/02/2023).

Ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa C quyền yêu cầu cơ quan chuyên môn cắm mốc lại tọa độ vị trí đất theo bản vẽ để thi hành việc giao nhận đất theo Bản án.

5. Về chi phí tố tụng:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T pH trả lại cho nguyên đơn ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa số tiền 2.919.135 đồng (Hai triệu chín trăm mười chín ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C pH trả lại cho nguyên đơn ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa số tiền 2.919.135 đồng (Hai triệu chín trăm mười chín ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn C pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Buộc ông Nguyễn Văn T pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đỗ Văn D, bà Nguyễn Thị Hoa số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009978 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2023), đương sự C quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người pH thi hành án dân sự C quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nguyễn Xuân Thu